

Cuộc họp vào tháng 9 năm 2009 tại Pittsburgh (Mỹ) vừa qua, nhóm các nước G-20 đã xác nhận lại cam kết tiến hành dự án hội nhập toàn cầu các chuẩn mực kế toán và kêu gọi các tổ chức kế toán quốc tế cần nỗ lực hơn để tiến đến hoàn chỉnh một hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế chất lượng cao vào năm 2011. So với hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS-International Accounting Standards) trước đây, thì hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS- International Financial Reporting Standards) cập nhật năm 2009 có các đặc tính khác biệt là yêu cầu giải trình thông tin chi tiết hơn nhằm giúp các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ về

bản chất của các nghiệp vụ kinh tế, đòi hỏi nhiều hơn xét đoán nghề nghiệp trong việc đưa ra cách xử lý kế toán thích hợp và đề nghị sử dụng giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường chủ yếu nhằm tăng cường tính đáng tin cậy và

thích hợp của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Bài viết này trình bày quan điểm về tính thích hợp và tính đáng tin cậy trong các quy định đo lường giá trị tài sản, nợ phải trả theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế có liên quan đến giá trị hợp lý.

Định nghĩa giá trị hợp lý

Văn bản đầu tiên của hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế đề cập đến định nghĩa giá trị hợp lý là chuẩn mực kế toán quốc tế số 16

“Bất động sản, Nhà xưởng và Máy móc thiết bị” (IAS 16), được ban hành vào năm 1982. Theo chuẩn mực kế toán này, “giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể đem trao đổi giữa các bên có hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá”. Căn cứ vào định nghĩa này, giá trị hợp lý là giá trị trao đổi, không phải là giá trị sử dụng.

Định nghĩa giá trị hợp lý được bổ sung trong chuẩn mực kế toán quốc tế số 17 “Thuê Tài sản” (IAS 17) ban hành năm 1982. Theo chuẩn mực kế toán này (đoạn 7), “giá trị hợp lý là giá trị tài sản

quốc tế.

Tháng 5 năm 2005, Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) công bố “Văn bản thảo luận về các phương pháp đo lường có sử dụng giá trị hợp lý”. Theo văn bản này, sự nhất quán giá trị hợp lý là giá trị trao đổi được các thành viên IASB ủng hộ. Văn bản có đề cập đến định nghĩa “giá trị hợp lý là giá trị của tài sản hay nợ phải trả có thể trao đổi giữa các bên có hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá”

Đến tháng 5 năm 2009, IASB công bố “Dự thảo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về Đo lường



Tính thích hợp và đáng tin cậy của “giá trị hợp lý” trong hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

NGUYỄN THẾ LỘC

có thể đem trao đổi, hay nợ phải trả được thanh toán giữa các bên có hiểu biết, có thiện chí trong một giao dịch trao đổi ngang giá”. IAS 17 đề cập đến giá trị hợp lý của cả tài sản và nợ phải trả. Theo đó, giá trị hợp lý của một khoản nợ phải trả là giá trị thanh toán nợ phải trả. Đây là một khái niệm liên quan đến “giá trị đầu ra” không phải giá trị trao đổi. Điều này cho thấy có sự không nhất quán về định nghĩa giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả trong hệ thống chuẩn mực kế toán

giá trị hợp lý”, trong đó, giá trị hợp lý được định nghĩa là “giá trị sẽ nhận được khi bán một tài sản hay giá trị thanh toán để chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch có tổ chức giữa các bên tham gia thị trường tại ngày đo lường”. Định nghĩa về giá trị hợp lý trong dự thảo này tương tự như định nghĩa giá trị hợp lý được đưa ra trong báo cáo số 157 “Đo lường giá trị hợp lý” của Hội đồng Kế toán tài chính Hoa Kỳ (FASB- Financial Accounting Standards



Board) ban hành năm 2006. Định nghĩa này thống nhất giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả trong hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế là “giá trị đầu ra” của tài sản hay nợ phải trả. Giá trị đầu ra có thể được xác định trực tiếp từ thị trường hay ước tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá.

Sử dụng giá trị hợp lý

Trong hệ thống IFRS, giá trị hợp lý có thể được sử dụng trong ba trường hợp:

- Giá trị hợp lý là cơ sở để xác định giá gốc;

Khuôn mẫu lý thuyết của IASB không đề cập đến giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường sử dụng trong việc xác định các yếu tố báo cáo tài chính mà chỉ đề cập đến việc có thể sử dụng giá trị hợp lý để xác định giá gốc.

Một số chuẩn mực kế toán quốc tế cụ thể có quy định sử dụng giá trị hợp lý trong ghi nhận ban đầu của các khoản mục tài sản và nợ phải trả như tài sản thuê tài chính, các công cụ tài chính, tài sản sinh học, sản phẩm nông nghiệp, các tài sản, nợ phải trả trong nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh,...

- Giá trị hợp lý là cơ sở để xác định giá trị sau khi ghi nhận ban đầu:

Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị hợp lý có thể được sử dụng để xác định giá trị của các tài sản hay nợ phải trả cụ thể. Các chuẩn mực kế toán quốc tế chấp nhận việc sử dụng giá trị hợp lý như là cơ sở đo lường sau khi ghi nhận ban đầu là IAS 16 “Bất động sản, Nhà xưởng, Máy móc thiết bị”, IAS 38 “Tài sản vô hình”, IAS 39 “Đo lường và ghi nhận công cụ tài chính”, IAS 40 “Bất động sản đầu tư”, IAS 41

“Nông nghiệp”, ...

- Giá trị hợp lý là cơ sở để xác định sự giảm giá tài sản:

Giá trị hợp lý được sử dụng để thử nghiệm phải chăng một tài sản đang giảm giá trị và cần ghi nhận sự giảm giá trị tài sản. Theo IAS 36 “Tồn thất tài sản”, dấu hiệu cho thấy tài sản đang giảm giá trị là khi giá trị có thể thu hồi của tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản thể hiện trên báo cáo tài chính tại thời điểm cuối niên độ. Giá trị có thể thu hồi của một tài sản hay được xác định là giá trị lớn hơn giữa giá trị hợp lý sau khi trừ đi chi phí cần thiết để bán tài sản và giá trị sử dụng của tài sản. Đây được xem như sự áp dụng giá trị hợp lý trong việc xác định sự giảm giá trị tài sản.

Xác định giá trị hợp lý

Văn bản thảo luận về các phương pháp đo lường có sử dụng giá trị hợp lý của IASB năm 2005 đề nghị cách xác định giá trị hợp lý trong ghi nhận ban đầu của giá trị tài sản theo 3 cấp độ: giá trị trường, mô hình hay kỹ thuật xác định giá trị hợp lý, và giá hiện hành của tài sản. Văn bản này cũng nhìn nhận các chuẩn mực kế toán quốc tế không trình bày các hướng dẫn nhất quán về thông tin cần sử dụng ưu tiên trong việc ước tính giá trị hợp lý.

“Dự thảo chuẩn mực báo cáo tài chính Đo lường giá trị hợp lý” năm 2009, nếu được thông qua, sẽ thay thế các hướng dẫn đo lường giá trị hợp lý đang được quy định rải rác trong các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế hiện hành. Theo dự thảo này, trình tự xác định giá trị hợp lý theo 3 cấp độ cao nhất (cấp độ 1) đến thấp nhất (cấp độ 3):

- Cấp độ 1: Các dữ liệu tham chiếu là giá niêm yết (chưa điều chỉnh) của các tài sản hay nợ phải trả đồng nhất trong các thị trường hoạt động mà tổ chức có thể thu thập tại ngày đo lường.

- Cấp độ 2: Các dữ liệu tham chiếu có thể thu thập cho tài sản hay nợ phải trả, trực tiếp (giá thị trường) hay gián tiếp (xuất phát từ giá thị trường), khác giá niêm yết của cấp độ 1. Nếu tài sản hay nợ phải trả liên quan đến một điều khoản cụ thể, dữ liệu tham chiếu cấp độ 2 phải là dữ liệu có thể thu thập của tất cả điều khoản thiết yếu có liên quan tài sản hay nợ phải trả. Dữ liệu tham chiếu cấp độ 2 bao gồm:

- * Giá niêm yết của các tài sản hay nợ phải trả tương tự trong thị trường hoạt động.

- * Giá niêm yết của các tài sản hay nợ phải trả đồng nhất hay tương tự trong thị trường không phải là thị trường hoạt động.

- * Dữ liệu tham chiếu, khác giá niêm yết, có thể thu thập liên quan đến tài sản hay nợ phải trả như lãi suất, biến động lợi nhuận, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, rủi ro thanh toán, rủi ro tín dụng,...

- * Dữ liệu tham chiếu phần lớn có nguồn gốc hay được chứng thực từ các dữ liệu thị trường có thể thu thập bằng các công cụ tương quan hay các công cụ khác.

- Cấp độ 3: dữ liệu tham chiếu là dữ liệu của tài sản hay nợ phải trả không dựa trên dữ liệu thị trường có thể thu thập (dữ liệu không thể thu thập từ thị trường). Các dữ liệu này được sử dụng để đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp các dữ liệu về hoạt động thị trường không sẵn có tại ngày đo lường, vì vậy việc chấp nhận các tình huống này,



nếu có, rất ít xảy ra. Các dữ liệu được tham chiếu ở cấp độ này phải phản ánh giả định mà các đối tượng tham gia thị trường sẽ sử dụng để định giá tài sản hay nợ phải trả, bao gồm cả các giả định về rủi ro.

Trong quy trình xác định giá trị hợp lý trên, cấp độ 1 có giá trị hợp lý được xác định căn cứ vào giá niêm yết, cấp độ 2 dựa vào các dữ liệu có thể thu thập được căn cứ vào dữ liệu thị trường sẵn có, và cấp độ 3, khi không thể thu thập thông tin từ thị trường, giá trị hợp lý được xác định dựa trên cơ sở thông tin sẵn có đáng tin cậy nhất mà các đối tượng tham gia thị trường sẽ sử dụng để xác định giá trị tài sản hay nợ phải trả. Nếu được áp dụng, cấp độ 2 và 3 có thể được sử dụng để xác định giá trị hợp lý cho các chứng khoán chưa niêm yết, tài sản vô hình phát sinh trong nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh, các khoản dự phòng... Việc xác định giá trị hợp lý ở cấp độ 2 và 3 có thể sử dụng các kỹ thuật định giá như phương pháp thị trường, phương pháp thu nhập hay phương pháp chi phí. Tuy nhiên khi không có giá thị trường niêm yết, việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các công thức toán học trong các kỹ thuật định giá để đưa đến kết quả là một giá trị mang tính giả định là chủ yếu, không có sự trao đổi, không có bên mua, bên bán có thiện chí và hiểu biết thì liệu đây có phải là giá trị hợp lý?

Tính thích hợp và đáng tin cậy của giá trị hợp lý

Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế đang xem xét liệu giá trị hợp lý có phải là cơ sở đo lường thích hợp nhất. Để đảm bảo là một cơ sở đo lường cơ bản có thể thay thế giá gốc trong ghi nhận ban đầu cũng như là cơ sở đo lường sau khi

khi ghi nhận ban đầu của các tài sản và nợ phải trả, giá trị hợp lý cần được xem xét dưới các góc độ:

- Tính hữu ích cho việc ra quyết định

Việc chọn lựa cơ sở đo lường phải phù hợp với mục tiêu chung của báo cáo tài chính. Theo khuôn mẫu lý thuyết của IASB, mục tiêu của báo cáo tài chính là cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và sự thay đổi tình hình tài chính của một tổ chức hữu ích đối với phần lớn đối tượng sử dụng trong việc ra các quyết định kinh tế. Các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính thường yêu cầu các thông tin về khả năng tạo ra tiền và các khoản tương đương tiền của đơn vị, từ đó giúp họ đánh giá năng lực của đơn vị trong việc thanh toán các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, nhân viên, nợ và lãi

vay, cổ tức,...Khuôn mẫu lý thuyết cũng đề cập đến một mục tiêu khác của báo cáo tài chính có liên quan đến chức năng quản lý đó là trình bày trách nhiệm của các nhà quản lý đối với các nguồn lực mà họ được nắm giữ nhằm giúp cho các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá trách nhiệm quản lý.

Khi sử dụng giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường, việc đánh giá lại các khoản mục tài sản hay nợ phải trả theo giá trị hợp lý sẽ tạo ra các khoản "lãi hoặc lỗ chưa thực hiện" do đánh giá lại được trình bày trên bảng kết quả kinh doanh hoặc trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Thông tin về các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện này sẽ không có, hoặc rất ít (nếu có) mối liên hệ đối với việc dự đoán dòng tiền tương lai. Bên cạnh đó, thông tin về giá trị hợp lý



Tiếp thị & tình yêu

Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp trong bữa tiệc. Bạn đến chỗ cô ta và nói: "Tôi là

một người đàn ông vô cùng quyến rũ" - đó là tiếp thị trực tiếp.

Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp trong bữa tiệc. Một người bạn của bạn đến chỗ cô ta, chỉ về phía bạn và nói: "Hắn là một người đàn ông vô cùng quyến rũ" - đó là quảng cáo.

Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp trong bữa tiệc. Bạn xin số điện thoại cô ta. Hôm sau bạn gọi cho cô ấy và nói: "Tôi là một người đàn ông vô cùng quyến rũ" - đó là tiếp thị tận nhà.

Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp trong bữa tiệc. Bạn đứng dậy, chỉnh lại cà vạt, đến mời cô ấy một ly rượu rồi cùng cô ta trò chuyện. Bữa tiệc kết thúc, bạn mở cửa cho cô ấy, cầm túi xách hộ cô ấy, đưa cô ấy về tận nhà và trước khi chia tay, nói thêm: "Tiện thể, tôi là một người đàn ông vô cùng quyến rũ" - đó là công tác quần chúng.

Bạn nhìn thấy một cô gái xinh đẹp trong bữa tiệc. Cô ấy đi đến và nói: "Nghe nói anh là một người đàn ông vô cùng quyến rũ" - đó là thương hiệu đã được đăng ký.



của tài sản, nợ phải trả có thể thích hợp cho các quyết định đầu tư nhưng thông tin hữu ích cho việc đánh giá trách nhiệm của nhà quản lý trong việc lập kế hoạch quản lý và sử dụng các tài sản cụ thể lại là “giá trị sử dụng” của tài sản.

- Sự đảm bảo các đặc tính chất lượng của thông tin. Khuôn mẫu lý thuyết của IASB yêu cầu các thông tin trình bày trên các báo cáo tài chính cần đáp ứng các đặc tính chất lượng: dễ hiểu, thích hợp, tính đáng tin cậy, và có thể so sánh được.

Yêu cầu dễ hiểu đòi hỏi thông tin trình bày trên báo cáo tài chính phải có thể hiểu được đối với người sử dụng. Người sử dụng được giả định có kiến thức kinh doanh, hoạt động kinh tế và kế toán hợp lý cũng như có ý muốn tìm hiểu thông tin.

Khi xác định giá trị hợp lý ở cấp độ 2 và 3, IASB chấp nhận việc sử dụng một kỹ thuật định giá để ước tính giá trị hợp lý của tài sản. Việc sử dụng một mô hình định giá cùng với nhiều dữ liệu nghiên cứu mang tính giả định khó có thể đáp ứng yêu cầu dễ hiểu đối với đối tượng sử dụng thông tin cho dù có diễn giải phương pháp định giá áp dụng trên thuyết minh báo cáo tài chính.

Tính thích hợp được xác định là chất lượng của thông tin hay mức độ ảnh hưởng của thông tin đến quyết định kinh tế của các đối tượng sử dụng. Tính thích hợp được đánh giá trên các phương diện: thông tin thích hợp để hỗ trợ người sử dụng đánh giá hoạt động quá khứ, hiện tại và dự đoán tương lai.

Tính đáng tin cậy đòi hỏi thông tin không có các sai sót trọng yếu. Để đáng tin cậy, thông tin phải trình bày trung thực các nghiệp vụ hay sự kiện kinh tế theo đúng bản chất kinh tế một cách khác quan,

thận trọng, và đầy đủ. Thông tin có thể thích hợp, nhưng không đáng tin cậy do sự ghi nhận giá trị có thể dẫn đến việc hiểu thông tin sai lệch.

Thông tin về giá trị hợp lý được đa số các nhà chuyên môn kế toán cho rằng đây là thông tin thích hợp cho các đối tượng sử dụng đưa ra các quyết định kinh tế. Không phù hợp nhận vấn đề trên nhưng liệu thông tin về giá trị hợp lý có đáng tin cậy? Khuôn mẫu lý thuyết quy định điều kiện ghi nhận của một yếu tố trên báo cáo tài chính là của giá gốc hoặc giá trị có thể xác định đáng tin cậy. Mặc dù chấp nhận các giá trị ước tính nhưng khuôn mẫu lý thuyết không đưa ra các quy định về cách xác định giá trị ước tính đáng tin cậy. Trong mô hình xác định giá trị hợp lý của IASB như đã nêu trên, ở cấp độ 2 và 3, khi thông tin giá thị trường niêm yết về tài sản hay nợ phải trả không sẵn có thì liệu việc ước tính giá trị hợp lý với các giả định chủ quan các nhà quản lý thì thông tin có đáng tin cậy?

Yêu cầu có thể so sánh được đòi hỏi thông tin cung cấp phải giúp người sử dụng so sánh thông tin của một tổ chức qua các thời kỳ hay so sánh thông tin giữa các tổ chức khác nhau. Điều này đòi hỏi người sử dụng có thể nhận ra sự tương đồng và khác biệt giữa hai hệ thống hay hiện tượng kinh tế.

Việc xác định giá trị hợp lý dựa trên ba cấp độ khác biệt tùy theo đặc tính từng loại tài sản và dữ liệu tham chiếu sẵn có. Việc áp dụng cấp độ 3 để xác định giá trị hợp lý khó có thể đáp ứng được yêu cầu có thể so sánh được do sẽ việc áp dụng các kỹ thuật định giá với các giả định xét đoán khác nhau trong

hệ thống dữ liệu riêng của doanh nghiệp sẽ dẫn đến các kết quả khác nhau.

Kết luận

Giá trị hợp lý ngày càng được sử dụng rộng rãi trong việc xác định giá trị của các yếu tố trên báo cáo tài chính trong những năm gần đây. Khi các thông tin thị trường không sẵn có, việc áp dụng giá trị hợp lý dựa vào các công thức toán học thuần túy trong các mô hình định giá sẽ làm giảm tính dễ hiểu và đáng tin cậy của thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Để sử dụng giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường chủ yếu, IASB cần nghiên cứu các vấn đề đã quy định trong khuôn mẫu lý thuyết có liên quan đến giá trị hợp lý cụ thể là sự cân đối giữa các đặc tính chất lượng và các tiêu chuẩn đánh giá khi có hạn chế thông tin giữa tính thích hợp và tính đáng tin cậy cũng như nội dung và phạm vi các thông tin cần công bố trong thuyết minh báo cáo tài chính. Việc sử dụng giá trị hợp lý chỉ thích hợp và đáng tin cậy khi thông tin về giá trị hợp lý của tài sản hay nợ phải trả có thể đảm bảo cân đối được các đặc tính chất lượng của thông tin cần có cũng như đáp ứng được yêu cầu thông tin hữu ích của các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CPA Australia, Contemporary Issues in Financial Accounting, 2009
2. IASB, Exposure Draft “Fair Value Measurement”, 2009
3. FASB, Statement No.157 “Fair Value Measurements”, 2006
4. Ernst & Young, How fair is fair value, 2005